

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Bản án số: 28/2017/DS-ST
Ngày: 11-10-2017
V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quý Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Phượng
2. Ông Nguyễn Văn Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Như -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ.

- Đại diện VKSND huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm
- Kiểm sát viên.

Ngày 11-10-2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2017/TLST-DS ngày 12-7-2017 “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/QĐXX-ST ngày 30-8-2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 71/QĐ-DS ngày 15-9-2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị K – sinh năm: 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn P, huyện Đất Đỏ.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Đồng Thị B – sn: 1975 (Có mặt).

2.2. Ông Trần Văn C – sn: 1973 (Vắng mặt).

Đều trú cùng địa chỉ: kp A, thị trấn P, huyện Đất Đỏ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05-7-2017 và trong quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị K trình bày:

Vào ngày 26-10-2016 bà Đồng Thị B (vợ ông Trần Văn C) vay của bà K số tiền 100.000.000đ thời hạn vay 05 tháng có làm giấy tay và thỏa thuận miệng lãi suất 05%/tháng. Đến ngày 13-12-2016 bà B tiếp tục vay của bà K số tiền 100.000.000đ thời hạn vay 01 năm, lãi suất tính theo Ngân hàng nhà nước và có hợp đồng công chứng, mục đích vay sửa chữa ghe. Sau khi vay bà B trả lãi cho bà K đến tháng 4-2017 thì ngưng rồi tránh mặt không cho bà K gặp nên bà K tìm gặp ông C nói việc bà B vay tiền 200.000.000đ của bà K. Nghe xong ông C thừa nhận việc bà B vay tiền và đồng ý trả nợ cho bà K rồi có ký vào giấy hẹn nợ viết tay ngày 04-5-2017 (AL) nhưng sau đó ông C vẫn không thực hiện. Nay bà K yêu cầu vợ chồng bà B ông C trả cho bà K số tiền 200.000.000đ và không yêu cầu tính lãi từ tháng 5-2017 cho đến khi thực hiện xong việc trả nợ.

- Theo biên bản lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trần Văn C trình bày: ông C và bà Đồng Thị B là vợ chồng, việc bà B vay tiền thế nào ông C không biết nhưng khi nghe bà B vỡ nợ thì ông C có đến gặp bà K và được biết số nợ là 200.000.000đ. Ngày 04-5-2017 (AL) ông C có ký vào giấy hẹn nợ do bà K viết nhưng hiện khó khăn nên chưa có tiền để trả cho bà K được. Nay theo yêu cầu của bà K, ông C đồng ý có trách nhiệm cùng với bà B trả nợ cho bà K. Tại phiên tòa hôm nay ông C vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã thông báo công khai và triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Theo biên bản lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông bà Đồng Thị B trình bày: bà B thừa nhận việc vay nợ của bà K với số tiền 200.000.000đ nhằm mục đích sửa chữa ghe nhưng ông C không biết và đến nay vẫn chưa trả. Tuy nhiên việc vay mượn bắt đầu từ năm 2012, sau mỗi năm làm lại giấy, lãi suất thỏa thuận miệng 7%/tháng và cho đến nay bà B trả cho bà K hơn 800 triệu tiền lãi nhưng không có làm giấy tờ. Từ tháng 5-2017 do gặp khó khăn nên bà B không còn khả năng trả nợ cho bà K. Nay bà B yêu cầu bà K giảm nợ và đồng ý trả số tiền vay ngày 26-10-2016 (AL) còn số nợ vay ngày 13-12-2016 do chưa đến hạn nên không đồng ý trả.

- Đại diện VKS phát biểu quan điểm về quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án thực hiện đúng các quy định của BLTTDS nên không yêu cầu bổ sung gì thêm.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể bà B có trách nhiệm trả cho bà K 100.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 26-10-2016. Đối với nợ 100.000.000đ, theo hợp đồng vay tiền ngày 13-12-2016 thể hiện: Thời hạn vay 01 năm tính từ ngày ký hợp đồng và bà K có quyền đòi lại tiền vay trước hạn nếu bà B sử dụng sai mục đích. Với nội dung trên cho thấy thời hạn

vay 01 năm vẫn còn và bà B sử dụng tiền đúng mục đích (sửa ghe) được bà K thừa nhận nên đề nghị HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này. Bà K không yêu cầu tính lãi nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt không có lý do. HĐXX thấy rằng: Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết các thủ tục theo quy định nhưng ông C vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông C là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo nguyên đơn bà K và các bị đơn trình bày, bà B vợ ông C có vay của bà K 2 lần với số tiền 200.000.000đ, sau khi vay bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà K đến gặp ông C và ông C đồng ý cùng bà B trả số nợ trên nhưng đến nay vẫn không thực hiện và bà K khởi kiện. Trên cơ sở đó HĐXX xác định đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Điều 26 BLTTDS.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng bà B ông C phải trả 200.000.000đ trên cơ sở các chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án. Qua yêu cầu của bà K, HĐXX thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt niêm yết Thông báo thụ lý; thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và hòa giải nhưng bà B ông C không có ý kiến và cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào Điều 91 BLTTDS có đủ cơ sở khẳng định chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp lệ, ngoài ra trong quá trình làm việc tại Tòa án ông C thừa nhận bà B có vay nợ của bà K và đồng ý cùng bà B trả nợ nhưng hiện đang gặp khó khăn chưa thực hiện được.

Riêng bà B chỉ đồng ý trả số nợ vay ngày 26-10-2016 (AL), còn đối với số tiền 100.000.000đ vay ngày 13-12-2016 không đồng ý trả vì chưa đến hạn. Qua nội dung trên, thấy rằng: Theo nội dung hợp đồng vay tiền ký ngày 13-12-2016 thể hiện thời hạn vay 01 năm kể từ ngày ký, như vậy đến nay chưa tới thời hạn trả nợ, ngoài ra bà B vay tiền về sử dụng đúng mục đích được bà K thừa nhận cho nên bà K không có cơ sở để yêu cầu bà B trả nợ trước hạn.

[4] Việc bà B cho rằng số tiền vay của bà K bắt đầu từ năm 2012, sau mỗi năm làm lại giấy một lần, lãi suất bà B phải trả 7%/tháng và đã trả hơn 800 triệu nhưng

bà B không có gì để chứng minh về lời khai của mình nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể bà B ông C có trách nhiệm trả cho bà K số tiền 100.000.000đ vay vào ngày 26-10-2016 (AL); Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K về việc yêu cầu bà B ông C trả cho bà K số tiền 100.000.000đ vay vào ngày 13-12-2016 vì chưa đến hạn trả nợ.

[5] Về lãi suất: bà K không yêu cầu nên không xét đến.

[6] Về án phí: Bà B và ông C phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng các Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 192, 217, 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí tòa án; Tuyên xử:

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K đối với bà Đồng Thị B và ông Trần Văn C.

3/ Bà Đồng Thị B và ông Trần Văn C phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị K số tiền: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

4/ Bà Trần Thị K không yêu cầu tính lãi cho đến khi bà B ông C thực hiện xong việc trả nợ nên không xét đến.

5/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K đối với bà Đồng Thị B ông Trần Văn C về việc yêu cầu trả số tiền 100.000.000đ theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 13-12-2016.

6/ Án phí:

- Bà Đồng Thị B và ông Trần Văn C phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí DSST.

- Bà Trần Thị K không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ cho bà K theo biên lai thu tiền số 04185 ngày 05/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo (đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND h Đất Đỏ;
- THA h Đất Đỏ;
- Dương sự;
- Lưu V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lê Quý Cường